TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày: 23/01/2018
V/v "Tranh chấp Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Châu Vũ Bình**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

Thư ký phiên tòa: Anh **Nguyễn Vĩnh Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Không tham gia

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2017/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "**Đòi lại tài sản**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu N,** sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Mộng Tr,** sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày: Do quen biết nên vào ngày 27-6-2013 (âm lịch) ông Nguyễn Hữu N có cho bà Võ Thị Mộng Tr mượn số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả 02 tháng, bà Tr có lập biên nhận và ký tên. Đến hạn trả nợ ông nhiều lần yêu cầu bà Tr trả số tiền trên nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà Tr phải trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Võ Thị Mộng Tr hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành

tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Võ Thị Mộng Tr phải trả lại số tiền 20.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Ông Nguyễn Hữu N khởi kiện đòi bà Võ Thị Mộng Tr số tiền 20.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 27-6-2013 (âm lịch), do đó quan hệ pháp luật giữa các bên là "Tranh chấp đòi lại tài sản". Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn, bà Võ Thị Mộng Tr đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà tr.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông N khởi kiện yêu cầu bà Tr phải trả số tiền 20.000.000 đồng trên cơ sở biên nhận mượn tiền ngày 27-6-2013 (âm lịch). Do đó, có căn cứ xác định bà Tr có vay tiền của ông N 20.000.000 đồng. Cho đến nay, ông N cho rằng bị đơn chưa trả tiền, bà Tr cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N và cũng không chứng minh số nợ mà ông N khởi kiện đã được trả hay chưa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu của ông N được chấp nhận toàn bộ nên phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của

Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N.

Buộc bà Võ Thị Mộng Tr phải trả cho ông Nguyễn Hữu N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị Mộng Tr chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Mộng Tr phải chịu 1.000.000(một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu N 250.000 (hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 35872 ngày 16-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Phương